

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
KHỐI NGÀNH: KHOA HỌC SỨC KHỎE
NGÀNH: Y KHOA

HẢI DƯƠNG - 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 531/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

- Tên ngành đào tạo (tiếng Việt): Y khoa
- Mã số ngành đào tạo: 7720101
- Danh hiệu tốt nghiệp: Bác sĩ Y khoa
- Thời gian đào tạo: 6 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Bác sĩ Y khoa
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương
- Tổng số tín chỉ: 221
- Khoa: Y
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
- Website: <http://www.hmtu.edu.vn/Desktop.aspx/San-phu/khoa-lam-sang/>
- Facebook: Khoa Y – Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương
- Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:
 - Bác sĩ nội khoa, ngoại khoa, sản phụ khoa, nhi khoa, hồi sức – cấp cứu, mắt, tai mũi họng, da liễu, tâm thần. Bác sĩ y học gia đình. Bác sĩ y tế công cộng. Y tế cơ quan, y tế học đường.
 - Tại các cơ sở đào tạo thuộc khối ngành khoa học sức khỏe với chức danh giảng viên, nghiên cứu viên.
 - Tại các viện nghiên cứu, cơ quan quản lý hay tổ chức chuyên môn với chức danh nghiên cứu viên, chuyên viên y tế.
 - Tại đơn vị khám chữa bệnh với công việc tổ chức, quản lý và điều hành chuyên môn.

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Bác sĩ y khoa có đủ năng lực thực hành nghề nghiệp an toàn, hiệu quả với nền tảng vững chắc kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức, kỹ năng y học lâm sàng và cộng đồng; có khả năng kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền; tác phong thực hành chuyên nghiệp dựa trên các chuẩn mực đạo đức y học, tinh thần trách nhiệm phù hợp với hoàn cảnh kinh tế - văn hóa – xã hội; có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

CO 1. Vận dụng được kiến thức về lý luận chính trị, quy định của pháp luật, chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong hành nghề

CO 2. Áp dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học lâm sàng và y tế công cộng, phương pháp luận nghiên cứu khoa học để chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh.

CO 3. Thực hành thành thạo các kỹ năng thăm khám, thủ thuật/ kỹ thuật y khoa cơ bản.

CO 4. Biện luận được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng dựa vào bằng chứng khoa học để đưa ra quyết định chẩn đoán và điều trị phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng, điều kiện kinh tế, tâm sinh lý của người bệnh.

CO 5. Có khả năng tổ chức nhóm làm việc liên ngành trong thực hành lâm sàng, quản lý y tế. Tham gia và tổ chức được các hoạt động tập huấn, đào tạo, tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người nhà người bệnh và cộng đồng.

CO6. Ứng dụng ngoại ngữ và tin học trong thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học.

CO 7. Giao tiếp phù hợp và hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và thân nhân người bệnh theo chuẩn mực quy tắc ứng xử trong ngành y.

CO 8. Duy trì phát triển năng lực bản thân, tự cập nhật kiến thức trong hoạt động chuyên môn và hội nhập quốc tế.

2. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Yêu cầu về kiến thức:

PLO1. Vận dụng được kiến thức của chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, quy định của pháp luật, chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong hành nghề.

PLO2. Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và y học lâm sàng trong thực hành chăm sóc sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

PLO3. Vận dụng được các nguyên lý cơ bản của dịch tễ học để đánh giá nguy cơ bệnh, dịch bệnh; đề xuất các biện pháp xử lý và phòng bệnh thích hợp.

PLO4. Trình bày được nguyên tắc tổ chức hệ thống y tế Việt Nam, các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, vai trò của người bác sĩ đa khoa trong cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Yêu cầu về kỹ năng:

PLO5. Thực hiện thành thạo quy trình khám bệnh, quy trình thủ thuật/kỹ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị.

PLO6. Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp.

PLO7. Chẩn đoán, điều trị được bệnh lý thường gặp dựa trên tổng hợp và phân tích triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng.

PLO8. Kê đơn thuốc đúng nguyên tắc, an toàn, hợp lý và hiệu quả dựa trên các bằng chứng tin cậy.

PLO9. Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị người bệnh phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ Y khoa, đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả.

PLO10. Lập được hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

PLO11. Thực hiện kỹ năng giao tiếp hiệu quả với người bệnh và gia đình, đồng nghiệp, cộng đồng nhằm đảm bảo chăm sóc y tế hiệu quả.

PLO12. Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của bộ GD và ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

PLO13. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại khoản 1 điều 2 Thông tư 03/2014 –TT – BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ thông tin và truyền thông.

PLO14. Thực hiện được đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Y học dưới sự hướng dẫn của chuyên gia, ứng dụng được kết quả nghiên cứu trong thực hành nghề nghiệp.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

PLO15. Tổ chức được nhóm làm việc liên chuyên ngành trong điều trị chăm sóc, tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người nhà người bệnh và cộng đồng.

PLO16. Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức, pháp luật trong khám chữa bệnh và nghiên cứu khoa học. Tôn trọng văn hóa, tín ngưỡng, phong tục tập quán vùng miền trong hoạt động nghề nghiệp.

PLO17. Thể hiện tinh thần, thái độ lấy người bệnh làm trung tâm trong việc khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc, tư vấn, phục hồi chức năng và nâng cao sức khỏe.

PLO18. Tích cực rèn luyện nâng cao sức khỏe để làm việc.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1 Cấu trúc khối kiến thức

- Khối lượng kiến thức toàn khóa phải tích lũy 221 tín chỉ (chưa bao gồm 3 tín chỉ Giáo dục thể chất và 165 tiết Giáo dục quốc phòng – an ninh)

- Thời gian đào tạo: 6 năm

Cấu trúc khối kiến thức: Khối lượng kiến thức toàn khóa phải tích lũy 221 tín chỉ và được phân bổ như sau:

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ		
		TS	LT	TH
1	Kiến thức giáo dục đại cương (chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)	43	36	7
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó:	178	97	81
	- Kiến thức cơ sở ngành (Gồm cả 3 tín chỉ học phần tự chọn)	69	46	23
	- Kiến thức ngành (gồm cả học phần tốt nghiệp)	109	51	58
	- Nội dung tốt nghiệp	12		12
	+Thực tập tốt nghiệp	9	0	9
	+ Học phần bổ sung (tự chọn)	3	0	3
	- Khóa luận tốt nghiệp:	12	0	12
	Cộng	221	133	88

- Số lượng học phần: 75 HP (Không kể Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất)

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 221 Tín chỉ, 100%

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 43 Tín chỉ, 19,5%
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 109 Tín chỉ, 49,3 %
- Tỷ lệ lý thuyết toàn bộ chương trình chiếm: 133 Tín chỉ, 60,2%
- Tỷ lệ lý thuyết chuyên ngành chiếm: 51 Tín chỉ, 23,1%
- Tỷ lệ học phần lâm sàng và TTTN chiếm: 58 Tín chỉ; 26,2 %
- Tỷ lệ học phần tự chọn chiếm: 6 Tín chỉ; 2,7%.

4. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

ST T	Mã HP	Tên môn học/ Học phần	TS Tín chỉ	Phân bổ		Mã HP tiên quyết
				LT	TH	
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (chưa kể giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)		43	36	7	
1.1	Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ chí Minh		11	11	0	
1	POL 1005	Triết học Mác – Lênin	3	3	0	
2	POL 1006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0	
3	POL 1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH)	2	2	0	
4	POL 1008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
5	POL 1009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
1.2	Ngoại ngữ (Bao gồm Tiếng Anh chuyên ngành)		10	10	0	
1	ENG 1001	Tiếng Anh 1	4	4	0	
2	ENG 1002	Tiếng Anh 2	4	4	0	ENG 1001
3	ENG 1013	Tiếng Anh chuyên ngành	2	2	0	ENG 1002
1.3	INT 1002	Tin học	3	1	2	
1.4	Giáo dục thể chất		3	0	3	
1	GDTC 1001	- Giáo dục thể chất 1	1	0	1	
2	GDTC 2003	- Giáo dục thể chất 2 (Tự chọn)	2	0	2	
3	GDTC 2004	- Giáo dục thể chất 2(Tự chọn)	2	0	2	
1.5	GDQP	Giáo dục quốc phòng – an ninh	<i>165 tiết</i>			
1.6	Các học phần cơ sở khối ngành		19	14	5	
1	MEDI	Dân số học	1	1	0	
2	BIOL 1011	Sinh học	2	2	0	
3	PHYS 1011	Lý sinh	2	2	0	

ST T	Mã HP	Tên môn học/ Học phần	TS Tín chỉ	Phân bổ		Mã HP tiên quyết
				LT	TH	
4	CHEM 1011	Hóa học	2	2	0	
5	PBCP 1011	Thực hành KHCB (Sinh – Hóa – Lý)	2	0	2	
6	MATH 2002	Xác suất – Thống kê y học	3	2	1	INT 1002
7	INT 4101	Tin học ứng dụng	2	1	1	MATH 2002
8	MEDI 1001	Tâm lý y học	3	2	1	
9	MEDI 2001	Pháp luật – đạo đức y học	2	2	0	
2.	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		178	101	77	
2.1	Các học phần cơ sở ngành		66	44	22	
1	MEDI 1101	Hình thái chức năng 1 (Đại cương cơ thể người)	2	2	0	
2	MEDI 1102	Hình thái chức năng 2 (Biểu mô – cơ - xương – khớp)	3	2	1	MEDI 1101
3	MEDI 1103	Hình thái chức năng 3 (Máu – Miễn dịch – Dịch cơ thể)	5	3	2	MEDI 1102
4	MEDI 2101	Hình thái chức năng 4 (Hệ tuần hoàn – Hô hấp)	4	3	1	MEDI 1103
5	MEDI 2102	Hình thái chức năng 5 (Hệ tiêu hóa – Tiết niệu)	4	3	1	MEDI 1103
6	MEDI 2103	Hình thái chức năng 6 (Hệ thần kinh – Giác quan)	4	2	2	MEDI 1103
7	MEDI 2104	Hình thái chức năng 7 (Nội tiết – Sinh sản)	4	2	2	MEDI 1103
8	MEDI 1104	Di truyền học	2	1	1	BIOL 1011
9	MEDI 2105	Kỹ năng lâm sàng 1 (Kỹ năng giao tiếp, Điều dưỡng cơ bản)	4	2	2	
10	MEDI 2106	Kỹ năng lâm sàng 2 (Kỹ năng khám)	3	1	2	MEDI 2105
11	MEDI 3101	Kỹ năng lâm sàng 3 (phẫu thuật thực hành)	3	2	1	MEDI 2106
12	MEDI 1105	Hoá sinh	4	3	1	CHEM 1011
13	MEDI 5103	Hóa sinh lâm sàng	3	2	1	MEDI 1105
14	MEDI 1106	Vi sinh – Ký sinh trùng	5	4	1	

ST T	Mã HP	Tên môn học/ Học phần	TS Tín chỉ	Phân bố		Mã HP tiên quyết
				LT	TH	
15	MEDI 2107	Dược lý cơ sở	4	3	1	
16	MEDI 3102	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1	
17	MEDI 5102	Dược lâm sàng	2	2	0	MEDI 2107
18	MEDI 2108	Dinh dưỡng – tiết chế	3	2	1	
19	MEDI 5101	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	3	2	1	
20	MEDI 4101	Dịch tễ học	2	2	0	
2.2	Các học phần kiến thức ngành		97	55	42	
1	MEDI 2201	Nội cơ sở	4	4	0	
2	MEDI 3205	Nội bệnh lý	4	4	0	MEDI 2201
3	MEDI 2202	Ngoại cơ sở	4	4	0	
4	MEDI 3206	Ngoại bệnh lý	3	3	0	MEDI 2202
5	MEDI 6301	Nội – Ngoại	4	4	0	
6	MEDI 3301	Thực tập lâm sàng Nội – Ngoại 1 (cơ sở)	5	0	5	MEDI 2201 MEDI 2202
7	MEDI 3302	Thực tập lâm sàng Nội – Ngoại 2 (bệnh lý)	5	0	5	MEDI 3301
8	MEDI 6301	Thực tập lâm sàng Nội – Ngoại 3	4	0	4	MEDI 3201
9	MEDI 3203	Phụ sản	4	4	0	
10	MEDI 3204	Nhi khoa	4	4	0	
11	MEDI 5201	Sản – Nhi	2	2	0	
12	MEDI 4301	Thực tập lâm sàng Sản – Nhi 1	6	0	6	
13	MEDI 5301	Thực tập lâm sàng Sản – Nhi 2	4	0	4	MEDI 4301
14	MEDI 4201	RHM – Mắt – TMH	3	3	0	
15	MEDI 4304	Thực tập lâm sàng RHM – Mắt – TMH	3	0	3	
16	MEDI 5305	Thực tập lâm sàng Hồi sức tích cực Nội – ngoại	1	0	1	
17	MEDI 4202	Truyền nhiễm – Lao & bệnh phổi	4	4	0	
18	MEDI 4305	Thực tập lâm sàng TN – Lao & Bệnh phổi	2	0	2	

ST T	Mã HP	Tên môn học/ Học phần	TS Tín chỉ	Phân bố		Mã HP tiên quyết
				LT	TH	
19	MEDI 4203	PHCN - Y học cổ truyền	3	3	0	
20	MEDI 5303	Thực tập lâm sàng PHCN – YHCT	2	0	2	
21	MEDI 4204	Thần kinh – Tâm thần	3	3	0	
22	MEDI 5304	Thực tập lâm sàng Thần kinh – Tâm thần	2	0	2	
23	MEDI 5202	Da liễu	1	1	0	
24	MEDI 5309	Thực tập lâm sàng Da liễu	1	0	1	
25	MEDI 6202	Ung thư	1	1	0	
26	MEDI 6303	Thực tập lâm sàng Ung thư	1	0	1	
27	MEDI 5203	Y học gia đình	2	1	1	
28	MEDI 4205	Tổ chức y tế - chương trình y tế quốc gia – GDSK	4	3	1	
29	MEDI 4206	Phương pháp NCKH 1 – Đạo đức nghiên cứu	3	2	1	
31	MEDI 5204	Phương pháp NCKH 2	2	0	2	MEDI 4206
32	MEDI 6203	Kinh tế y tế	2	1	1	
33	MEDI 5302	Thực tập cộng đồng 1	2	0	2	
34	MEDI 6302	Thực tập cộng đồng 2	2	0	2	MEDI 5302
2.3	Học phần Tốt nghiệp (Chọn 12 tín chỉ)		12	0	12	
1	MEDI 6309	Thực tập tốt nghiệp	9	0	9	MEDI 6302
		Học phần tự chọn	3		3	
2	MEDI 6311	Khóa luận tốt nghiệp	12	0	12	MEDI 6302
2.4	Học phần tự chọn (Chọn 6/18 tín chỉ)		6	2	4	
1	MEDI 5104	Dị ứng - Miễn dịch Lâm sàng	2	2	0	
2	MEDI 5307	Thực tập Lâm sàng dị ứng – Miễn dịch	1	0	1	
3	MEDI 6205	NCKH trong lâm sàng	3	0	3	
4	MEDI 5108	Kiểm soát nhiễm khuẩn	3	2	1	
5	MEDI 6207	Huyết học	3	2	1	
6	MEDI 6206	Lão khoa	3	2	1	

ST T	Mã HP	Tên môn học/ Học phần	TS Tín chỉ	Phân bổ		Mã HP tiên quyết
				LT	TH	
7	MEDI 5109	Kỹ năng mềm	3	2	1	
Tổng cộng			221	137	84	

4. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO (có phụ lục kèm theo)

5. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
1	Triết học Mác – Lênin	Học phần Triết học Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên thế giới quan và phương pháp luận chung nhất của nhận thức khoa học và thực tiễn trên cơ sở nghiên cứu những nguyên lý, quy luật, phạm trù của chủ nghĩa duy vật biện chứng và những quy luật, những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử và triết học về bản chất con người.	3	Kỳ III	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% (tiểu luận, 15 phút) -Thi: 70% thi test, tình huống tự luận
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nền kinh tế thị trường và kinh tế thị trường định hướng XHCN; các quan hệ lợi ích kinh tế trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	2	Kỳ IV	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% (tiểu luận, 15 phút) -Thi: 70% thi test, tình huống tự luận
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần CNXH Khoa học cung cấp cho sinh viên những quy luật chung nhất về tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong tiến trình cách mạng XHCN.	2	Kỳ VI	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% (tiểu luận, 15 phút) -Thi: 70% thi test, tình huống tự luận
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH, về chính Đảng của giai cấp công nhân; tư tưởng về nhà nước; về đoàn kết, đạo đức, văn hóa và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.	2	IX	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% (tiểu luận, 15 phút) -Thi: 70% thi test, tình huống tự luận
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ	2	X	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% (tiểu luận, 15 phút)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
	Nam	đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 – 1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)			-Thi: 70% thi test, tình huống tự luận
6	English 1	Sử dụng được kiến thức ngữ pháp cơ bản, các thì trong tiếng anh trong các tình huống giao tiếp. Sinh viên thực hiện được các cuộc hội thoại về những chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Giúp sinh viên làm quen với kỹ năng thực hành ngôn ngữ ở trình độ bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	4	Kỳ I	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% nghe nói đọc viết
7	English 2	Thực hiện được những nhiệm vụ giao tiếp đơn giản. Viết được thư trao đổi cá nhân ngắn gọn và đơn giản như thư cảm ơn, thư xin lỗi, có thể viết được đoạn văn ngắn, đơn giản mô tả người, điều kiện sống, công việc, học tập và hoạt động hàng ngày hay kể sơ lược về một sự việc hay sự kiện đang diễn ra hay đã trải nghiệm. Giúp sinh viên làm quen với kỹ năng thực hành ngôn ngữ ở trình độ bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	4	Kỳ III	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% nghe nói đọc viết
8	English 3	Sử dụng từ ngữ đơn giản để mô tả công việc của nhân viên y tế, các bộ phận trên cơ thể con người, các loại thuốc và các dạng thuốc, chế độ dinh dưỡng thủ tục nhập/ xuất viện. Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và kỹ năng giao tiếp một cách rõ ràng, thành thạo trong môi trường giao tiếp hàng ngày, đặc biệt là môi trường giao tiếp trong các cơ sở y tế. Đọc hiểu đại ý và một số chi tiết trong văn bản ngắn, đơn giản sử dụng trong giao tiếp hàng ngày trong môi trường y khoa.	2	Kỳ IV	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% nghe nói đọc viết
9	Tin học	Trình bày được một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word; dùng Excel hoặc FoxPro để nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng. Sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet.	3	Kỳ I	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% máy tính
	Giáo dục thể chất	- Trang bị cho sinh viên nhận thức về quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thể dục thể thao (TDTT) trong trường học; vị trí, vai trò của TDTT đối với con người và xã hội; củng cố và hoàn thiện kiến thức cơ bản, kỹ năng thực hành một số môn TDTT nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể chất, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục	3	Kỳ I, II	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% bài thể dục

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		toàn diện cho sinh viên;			
	Giáo dục quốc phòng – an ninh	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng.	8	Kỳ I	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% (thực hành bắn súng) - Thi: 70% tự luận, thực hành bắn súng
10	Dân số học	Trình bày được các khái niệm cơ bản về dân số và phát triển; các phương pháp nghiên cứu và tính toán các chỉ số liên quan đến dân số; mối liên quan giữa dân số và phát triển, dân số và y tế; các chính sách ổn định và nâng cao chất lượng dân số.	1	Kỳ IX	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận
11	Sinh học	Trình bày được những kiến thức về Tế bào học, Di truyền học, Sinh học phát triển, Các nguyên lý sinh thái, là nền tảng, cơ sở khoa học để vận dụng vào các chuyên ngành Y học khác nhau.	2	Kỳ I	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi: 70% thi test, tình huống tự luận
12	Lý sinh	Trình bày được các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống; Các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị; Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.	2	Kỳ I	Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi: 70% thi test, tình huống tự luận
13	Hóa học	- Giải thích được tương tác giữa các nguyên tử và nhóm nguyên tử trong một số hợp chất vô cơ, hữu cơ; tương tác giữa các tiểu phân trong một dung dịch keo. - Phân tích được mối quan hệ giữa các phản ứng hóa học với sự trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong cơ thể người. - Xác định được giá trị pH và ý nghĩa của một số dung dịch acid, base, hệ đệm. - Giải thích được cơ chế một số dạng phản ứng cộng, thế, tách trong hóa học hữu cơ. - Giải thích được tác dụng sinh học của một số hợp chất vô cơ, hữu cơ.	2	Kỳ I	Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi: 70% thi test, tình huống tự luận
14	Thực hành KHCB (Sinh – Hóa – Lý)	Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm Lý, Hóa. Giải thích được thí nghiệm và giải thích được các yếu tố liên quan đến thí nghiệm. Sử dụng được kính hiển vi quang học để soi được tiêu bản của các loại tế bào. Giải thích được mối liên quan giữa hình thái và chức năng của tế bào. Vận dụng được kỹ năng thực hành trong	2	Kỳ I	Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% (thí nghiệm) - Thi: 70% thí nghiệm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		học tập các môn y học cơ sở và chuyên ngành.			
15	Xác suất – Thống kê y học	Cung cấp cho người học một số khái niệm thống kê cơ bản áp dụng trong khoa học sức khỏe như phân bố chuẩn, thống kê mô tả, thống kê suy luận; phân loại và xác định được các biến số cần thiết trong nghiên cứu, cách chọn mẫu, tính toán cỡ mẫu, cách thu thập, phân tích, tổ chức và trình bày số liệu; sử dụng được máy tính hỗ trợ cho việc xác định cỡ mẫu, thiết kế công cụ thu thập số liệu, phân tích và trình bày số liệu.	3	Kỳ IX	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, bài tập tự luận
16	Tin học ứng dụng	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phần mềm xử lý thống kê, những phần mềm này rất thiết thực trong công tác quản lý và xử lý số liệu nghiên cứu y sinh học.	2	Kỳ VIII	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% - (thực hành trên máy) -Thi: 70% thi test, bài tập trên máy
17	Tâm lý y học	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tâm lý học và tâm lý y học; các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.	3	Kỳ II	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, tình huống tự luận
18	Pháp luật – đạo đức y học	Trình bày được những kiến thức cơ bản về pháp luật, các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, nhận biết và báo cáo các hành vi sai phạm trong nghề nghiệp. Vận dụng kiến thức về đạo đức để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bệnh, giữ gìn bí mật của người bệnh, tuân thủ nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y học	2	Kỳ III	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Định kỳ: 70% thi test, tình huống tự luận
19	Hình thái chức năng 1 (Đại cương cơ thể người)	Trình bày cách thức tổ chức cơ thể người; Phân tích được đặc điểm của các giai đoạn phát triển của cơ thể người và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển Mô tả được những hiện tượng chủ yếu về sự hình thành và phát triển của phôi người từ khi thụ tinh đến giai đoạn hình thành mầm các cơ quan, cấu tạo và chức năng của các bộ phận phụ của phôi thai người bình thường, bất thường.	2	Kỳ I	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% (mô hình) - Thi: 70% thi test, tự luận, câu hỏi ngắn
20	Hình thái chức năng 2 (Biểu mô – cơ – xương – khớp)	Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, chức năng, tính chất, nguyên tắc phân loại và đặc điểm cấu trúc của mỗi loại biểu mô; giải thích được các biểu hiện lâm sàng của một số bệnh lý thường gặp về xương – khớp. Nhận định được các loại biểu mô, mô liên kết và mô cơ trên tiêu bản, ảnh chụp và tranh vẽ. Chỉ và gọi đúng tên: xương - khớp - cơ và các chi tiết	3	Kỳ II	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% (mô hình) - Thi: 70% thi test, tự luận, câu hỏi ngắn, chạy trạm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		của chúng trên mô hình, tranh vẽ, hình ảnh 3D. Vẽ được hình các xương chính của cơ thể. Xác định được các mốc giải phẫu bề mặt của xương - khớp - cơ để thăm khám và thực hiện các thủ thuật trên lâm sàng			
21	Hình thái chức năng 3 (Máu – Miễn dịch – Dịch cơ thể)	Trình bày được đặc điểm cấu tạo và chức năng của các tế bào máu. Trình bày được bệnh nguyên, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh lý miễn dịch: hiện tượng quá mẫn, suy giảm miễn dịch và bệnh tự miễn. Nhận dạng được các tế bào máu trên tiêu bản. Phân tích được kết quả huyết đồ bình thường và một số bệnh lý thường gặp. Xác định được nhóm máu hệ ABO, thời gian máu chảy, thời gian máu đông, tốc độ máu lắng. Nhận định được cấu tạo của hệ bạch huyết – miễn dịch. Nhận định được đặc điểm vi thể của bệnh hạch lympho	5	Kỳ II	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% (mô hình) - Thi: 70% thi test, tự luận, câu hỏi ngắn, chạy trạm
22	Hình thái chức năng 4 (Hệ tuần hoàn – Hô hấp)	Mô tả được sự hình thành, phát triển phôi thai hệ tuần hoàn và sự phát sinh một số dị tật bẩm sinh thường gặp. Mô tả được vị trí, hình thể, cấu trúc, liên quan, đối chiếu của tim lên lồng ngực và hình ảnh X – quang. Mô tả được nguyên ủy, đường đi, tận cùng, chi phối và liên quan của hệ mạch. Nhận định được cấu trúc vi thể và siêu vi của hệ tuần hoàn - hệ hô hấp trên tiêu bản, ảnh chụp và tranh vẽ. Chỉ và gọi đúng tên các chi tiết giải phẫu thuộc hệ tuần hoàn – hệ hô hấp trên mô hình, tranh, hình ảnh 3D và xác. Xác định được các mốc giải phẫu bề mặt của hệ tuần hoàn – hệ hô hấp để thăm khám và thực hiện các thủ thuật trên lâm sàng. Thực hiện đúng các bước của kỹ thuật ghi điện tâm đồ, thăm dò chức năng hô hấp và phân tích được kết quả ghi điện tâm đồ, thăm dò chức năng hô hấp bình thường và một số bệnh lý thường gặp	4	Kỳ III	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% (mô hình) - Thi: 70% thi test, tự luận, câu hỏi ngắn, chạy trạm
23	Hình thái chức năng 5 (Hệ tiêu hóa – Tiết niệu)	Mô tả được nguồn gốc, quá trình tạo hình, tạo mô của hệ tiêu hóa – tiết niệu. Giải thích được nguyên nhân gây nên những dị tật bẩm sinh thường gặp của hệ tiêu hóa – tiết niệu. Mô tả được cấu trúc vi thể và siêu vi của hệ tiêu hóa – tiết niệu. Nhận định được cấu trúc vi thể, siêu vi của hệ tiêu hóa - tiết niệu trên tiêu bản, ảnh chụp và tranh vẽ. Chỉ và gọi đúng tên các chi tiết giải phẫu thuộc hệ tiêu hóa – tiết niệu trên mô hình, tranh, hình ảnh 3D và xác. Xác định được các mốc giải phẫu bề mặt liên quan đến một số bệnh lý thường gặp thuộc hệ tiêu hóa – tiết niệu để thực hiện thăm khám và các thủ thuật	4	Kỳ III	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% (mô hình) - Thi: 70% thi test, tự luận, câu hỏi ngắn, chạy trạm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		trên lâm sàng. - Phân tích được kết quả xét nghiệm máu, nước tiểu bình thường và một số bệnh lý tiêu hóa – tiết niệu thường gặp. Nhận định được đặc điểm vi thể của một số bệnh thường gặp thuộc hệ tiêu hóa – tiết niệu trên kính hiển vi			
24	Hình thái chức năng 6 (Hệ thần kinh – Giác quan)	Mô tả được nguồn gốc, sự phát triển bình thường và bất thường của các cơ quan sinh dục nam - nữ ở thời kỳ phôi thai. Mô tả được đặc cấu tạo vi thể, siêu vi của các tuyến nội tiết và các cơ quan sinh dục nam - nữ. Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan, các mạch máu của các tuyến nội tiết và các cơ quan sinh dục nam – nữ. Nhận định được cấu trúc vi thể và siêu vi của một số cơ quan thuộc hệ nội tiết – sinh dục trên tiêu bản, ảnh chụp và tranh vẽ. Chỉ và gọi đúng tên các chi tiết giải phẫu thuộc hệ nội tiết – sinh dục trên mô hình, tranh, hình ảnh 3D và xác nhận định được hình ảnh vi thể của một số bệnh thường gặp thuộc hệ nội tiết – sinh sản trên tiêu bản, ảnh chụp và tranh vẽ	4	Kỳ IV	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% (mô hình) - Thi: 70% thi test, tự luận, câu hỏi ngắn, chạy trạm
25	Hình thái chức năng 7 (Nội tiết – Sinh sản)	Mô tả được những hiện tượng chủ yếu về sự hình thành và phát triển của ống thần kinh, mào thần kinh, các cơ quan vùng mang, mặt và khoang mũi. Giải thích được sự phát sinh một số dị tật bẩm sinh thường gặp ở vùng mặt. Nhận định được cấu trúc mô học của da- tai – mắt – hệ thần kinh trên tiêu bản, ảnh chụp và tranh vẽ. Chỉ và gọi đúng tên các chi tiết giải phẫu thuộc tai – mắt – hệ thần kinh trên mô hình, tranh, hình ảnh 3D và xác. Nhận định được hình ảnh vi thể của một số bệnh thường gặp thuộc hệ thần kinh, da trên tiêu bản, ảnh chụp và tranh vẽ	4	Kỳ IV	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% (mô hình) - Thi: 70% thi test, tự luận, câu hỏi ngắn, chạy trạm
26	Di truyền học	Nội dung gồm các nguyên lý cơ bản, cơ sở vật chất và các quy luật di truyền chi phối các tính trạng của người; nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người; chỉ định và thực hiện được một số xét nghiệm di truyền y học, tư vấn một số trường hợp bệnh tật di truyền thường gặp.	2	Kỳ II	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận
27	Kỹ năng lâm sàng 1 (Kỹ năng giao tiếp, ĐDCB)	Nội dung gồm các hoạt động chăm sóc sức khỏe mà người điều dưỡng phải làm; mô tả các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật; cách xử trí các tai biến. Nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sơ cứu thông thường	4	Kỳ III	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận
28	Kỹ năng lâm sàng	Thực hành kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thăm khám nội khoa, ngoại khoa, sản	2	Kỳ IV	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên:

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
	2 (Kỹ năng khám)	khoa, nhi khoa, ...trên mô hình hoặc bệnh nhân giả định trước khi đi thực hành lâm sàng tại bệnh viện.			25% -Thi kết thúc: 70% vấn đáp tình huống bệnh nhân
29	Kỹ năng lâm sàng 3 (phẫu thuật thực hành)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về phẫu thuật thực hành: chỉ định, các thì phẫu thuật của một số phẫu thuật ngoại khoa; các động tác cơ bản của phẫu thuật, cách sử dụng các dụng cụ phẫu thuật	3	Kỳ V	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận; mô hình
30	Hoá sinh	Nội dung gồm các kiến thức cơ bản và hệ thống về hóa sinh: Các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào của cơ thể sống; các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường; vận dụng và liên hệ những kiến thức hóa sinh vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y học.	4	Kỳ I	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận; tiêu bản thực hành
31	Hóa sinh lâm sàng	Kiến thức và khả năng ứng dụng lý thuyết hoá sinh vào thực tế lâm sàng. Phương pháp kê xét nghiệm đúng và phù hợp cho bệnh nhân. Phương pháp đánh giá sự tương quan giữa kết quả xét nghiệm và bệnh cảnh lâm sàng. Giúp sinh viên nâng cao năng lực suy luận logic dựa trên xét nghiệm cận lâm sàng trong chẩn đoán và điều trị bệnh, trang bị khả năng đánh giá chất lượng xét nghiệm	3	Kỳ X	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
32	Vi sinh – Ký sinh trùng	Nội dung gồm các đặc điểm hình dạng, cấu trúc, nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch của vi sinh vật y học; mối quan hệ vi sinh vật, môi trường và cơ thể, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật; các phương pháp xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh; các nguyên tắc phòng bệnh và điều trị các bệnh nhiễm vi sinh vật. Những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái, chu kỳ phát triển, đặc điểm dịch tễ của các loại ký sinh trùng (KST) chủ yếu ở Việt Nam; đặc điểm bệnh học và tác hại của ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng; mối liên quan giữa vấn đề ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng; một số phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng và nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng; các nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng	5	Kỳ II	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% (tiêu bản) -Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận; trên tiêu bản thí nghiệm
33	Dị ứng - Miễn dịch Lâm sàng	Khái niệm cơ bản và hiện đại về các bệnh dị ứng và tự miễn. Triệu chứng, chẩn đoán và xử trí một số bệnh dị ứng miễn dịch hay gặp. Biết cách phòng các bệnh dị ứng hay gặp ở cộng đồng.	2	Kỳ IX	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
					tự luận;
34	Thực tập Lâm sàng dị ứng – Miễn dịch	Cách khám, chẩn đoán và xử trí một số bệnh dị ứng và tự miễn hay gặp. Cách xử trí nhanh và chính xác một số trường hợp cấp cứu dị ứng: sốc phản vệ, cơ hen phế quản nặng, mày đay cấp tính, phù Quincks... Hướng dẫn được cách phòng các bệnh dị ứng hay gặp ở cộng đồng.	1	Kỳ IX	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% (bệnh nhân) - Thi kết thúc: 70% lâm sàng
35	Dược lý cơ sở	Nội dung gồm cơ chế tác dụng và tác dụng dược lý của các nhóm thuốc; áp dụng điều trị và độc tính của các thuốc đại diện cho từng nhóm; phân tích các thông số dược động học cơ bản để biết sử dụng thuốc an toàn hợp lý.	4	Kỳ III	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% (vấn đáp) - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
36	Chẩn đoán hình ảnh	Nội dung gồm chẩn đoán hình ảnh các bộ máy của cơ thể theo thứ tự ưu tiên, từ phương pháp chẩn đoán hình ảnh thông dụng, phổ cập như X quang quy ước, siêu âm đến các phương pháp hiện đại như chụp cắt lớp, cộng hưởng từ...	2	Kỳ V	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận; trên phim XQ và người bệnh
37	Dược lâm sàng	Kiến thức và khả năng ứng dụng lý thuyết dược lý cơ sở vào thực tế lâm sàng. Giúp sinh viên nâng cao năng lực suy luận logic dựa trên lâm sàng trong chẩn đoán và điều trị bệnh.	2	Kỳ X	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
38	Dinh dưỡng – tiết chế	Nội dung gồm những kiến thức về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng ở cộng đồng; các kiến thức đánh giá và giám sát dinh dưỡng trong theo dõi và phát hiện những vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng; các kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm trong việc tổ chức quản lý vệ sinh thực phẩm, ăn uống cộng đồng và phòng chống ngộ độc thực phẩm.	3	Kỳ IV	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% (lập chế độ ăn người bệnh) - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
39	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	Nội dung gồm những kiến thức về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng ở cộng đồng; các kiến thức đánh giá và giám sát dinh dưỡng trong theo dõi và phát hiện những vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng; các kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm trong việc tổ chức quản lý vệ sinh thực phẩm, ăn uống cộng đồng và phòng chống ngộ độc thực phẩm.	3	Kỳ IX	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
40	Dịch tễ học	Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai	2	Kỳ VII	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		số và không chế sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.			tự luận;
41	Nội cơ sở	Nội dung gồm các kỹ năng khám nội khoa toàn thân và các hệ cơ quan; các nguyên nhân gây bệnh; các hội chứng, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh nội khoa.	4	Kỳ IV	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
42	Nội bệnh lý	Nội dung gồm cơ chế gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh; Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí và các thuốc điều trị chính các bệnh lý nội khoa.	4	Kỳ V	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - miệng, 15 phút - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
43	Ngoại cơ sở	Trình bày được những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thăm khám, các triệu chứng và các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; kiến thức cơ bản về gây mê, vô khuẩn và tiệt khuẩn trong ngoại khoa. Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp.	4	Kỳ IV	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
44	Ngoại bệnh lý	Trình bày được đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh, các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, chỉ định và điều trị các bệnh ngoại khoa thường gặp.	3	Kỳ V	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
45	Nội – Ngoại	Nội dung gồm cơ chế gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh; Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí và các thuốc điều trị chính các bệnh lý nội khoa, ngoại khoa	4	Kỳ 11	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
46	Thực tập lâm sàng Nội – Ngoại 1 (cơ sở)	Giúp sinh viên Y khoa vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ trong thăm khám, thực hiện kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng tại khoa Nội - Ngoại, từng bước hình thành năng lực cơ bản của Bác sỹ đa khoa (năng lực hành nghề chuyên nghiệp, năng lực ứng dụng kiến thức y học, năng lực chăm sóc y khoa, năng lực giao tiếp – cộng tác)	5	Kỳ V	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% (bệnh án) - Thi kết thúc: 70% Bệnh nhân, vấn đáp
47	Thực tập lâm sàng Nội – Ngoại 2 (bệnh lý)	Giúp sinh viên Y khoa vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ trong thăm khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội ngoại khoa thường gặp, thực hiện được một số kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng cơ bản trong Nội - Ngoại khoa, từng bước hình thành năng lực cơ bản Bác sỹ đa khoa (năng lực hành nghề chuyên nghiệp, năng lực ứng dụng kiến thức y học,	5	Kỳ VI	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% (bệnh án) - Thi kết thúc: 70% Bệnh nhân, vấn đáp

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		năng lực chăm sóc y khoa, năng lực giao tiếp – cộng tác).			
48	Thực tập lâm sàng Nội – Ngoại 3	Giúp sinh viên Y khoa vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ trong thăm khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội ngoại khoa thường gặp, thực hiện được một số kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng cơ bản trong Nội - Ngoại khoa, từng bước hình thành năng lực cơ bản Bác sỹ đa khoa (năng lực hành nghề chuyên nghiệp, năng lực ứng dụng kiến thức y học, năng lực chăm sóc y khoa, năng lực giao tiếp – cộng tác).	4	Kỳ XII	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% (bệnh án) - Thi kết thúc: 70% Bệnh nhân, vấn đáp
49	Phụ sản	Trình bày được triệu chứng, chẩn đoán, theo dõi các trường hợp thai nghén bình thường. Chẩn đoán, định hướng và xử trí bước đầu một số trường hợp sản phụ khoa cấp cứu. Trình bày được triệu chứng, chẩn đoán những trường hợp thai nghén bệnh lý. Tư vấn về các biện pháp kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản cho cộng đồng. Triệu chứng, chẩn đoán, xử trí một số bệnh phụ khoa thường gặp.	4	Kỳ VI	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
50	Nhi khoa	Trình bày những vấn đề chính của chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa và chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý, tâm lý trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động trẻ em. Các kiến thức cơ bản về bệnh lý trẻ em: dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các nguyên tắc xử trí bệnh. Chẩn đoán và xử trí các bệnh, các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em.	4	Kỳ VI	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
51	Sản – Nhi	Trình bày triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và theo dõi các trường hợp thai nghén bình thường, bất thường. Chẩn đoán, xử trí bước đầu một số trường hợp sản phụ khoa cấp cứu. Nội dung gồm những vấn đề chính của chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa và chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh. Chẩn đoán và xử trí các bệnh, các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em.	2	Kỳ X	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
52	Thực tập lâm sàng Sản – Nhi 1	Giúp sinh viên Y khoa vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ trong thăm khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh Sản - Nhi thường gặp, thực hiện được một số kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng cơ bản trong Sản - Nhi khoa, từng bước hình thành năng lực cơ bản Bác sỹ đa khoa	6	Kỳ VII	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% (bệnh án) - Thi kết thúc: 70% Bệnh nhân, vấn đáp

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
53	Thực tập lâm sàng Sản – Nhi 2	Giúp sinh viên Y khoa vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ trong thăm khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh Sản -Nhi thường gặp, thực hiện được một số kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng cơ bản trong Sản - Nhi khoa, từng bước hình thành năng lực cơ bản Bác sỹ đa khoa	4	Kỳ X	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên:25% (bệnh án) -Thi kết thúc: 70% Bệnh nhân, vấn đáp
54	RHM – Mắt – TMH	<p>Trình bày các đặc điểm hình thái và mối quan hệ chức năng của răng và bộ răng (răng sữa và răng vĩnh viễn); Thực trạng và định hướng giải quyết các vấn đề răng miệng ở Việt Nam; Nguyên nhân, phương pháp điều trị và dự phòng các bệnh răng miệng phổ biến; Đặc điểm chủ yếu của các nhiễm trùng Răng hàm mặt; Các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các bệnh răng miệng cho cá nhân và cộng đồng.</p> <p>Trình bày được dịch tễ học và nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, chẩn đoán và xử trí các bệnh tai mũi họng thông thường, một số bệnh cấp cứu và chấn thương tai mũi họng thường gặp và cách phòng bệnh. Chẩn đoán định hướng, xử trí cấp cứu và chuyển kịp thời các bệnh thuộc chuyên khoa tai mũi họng đúng tuyến chuyên khoa.</p> <p>Trình bày được giải phẫu và sinh lý mắt và thị giác, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh mắt thông thường và các biện pháp bảo vệ và phòng chống bệnh mắt. Sơ cứu và điều trị một số bệnh cấp cứu về mắt thường gặp. Vai trò và mối liên quan bệnh mắt và bệnh toàn thân. Sử dụng một số phương tiện khám mắt thông thường.</p>	3	Kỳ VII	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
55	Thực tập lâm sàng RHM – Mắt – TMH	Giúp sinh viên Y khoa vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ trong thăm khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh RHM – Mắt – TMH thường gặp, thực hiện được một số kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng cơ bản trong bệnh RHM – Mắt – TMH, từng bước hình thành năng lực cơ bản Bác sỹ đa khoa	3	Kỳ VIII	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên:25% (bệnh án) -Thi kết thúc: 70% Bệnh nhân, vấn đáp
56	Thực tập lâm sàng Hồi sức tích cực Nội – Ngoại	Giúp sinh viên Y khoa vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ trong hồi bệnh, thăm khám, chẩn đoán và điều trị bệnh một số bệnh hồi sức tích cực Nội – ngoại thường gặp, thực hiện kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng tại khoa Hồi sức Nội – Ngoại, từng bước hình thành năng lực cơ bản của Bác sỹ đa khoa (năng lực hành nghề chuyên nghiệp, năng lực ứng dụng kiến thức y học, năng lực chăm sóc y khoa,	1	Kỳ VII	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		năng lực giao tiếp – cộng tác)			
57	Truyền nhiễm – Lao & bệnh phổi	Nội dung gồm đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, các thể lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và biện pháp dự phòng các bệnh truyền nhiễm thường gặp. Nội dung gồm thực trạng bệnh lao ở Việt Nam và trên Thế giới. Các triệu chứng lâm sàng nghi lao, nguyên tắc và phác đồ điều trị lao trong chương trình phòng chống lao Quốc gia. Sự ảnh hưởng của bệnh lao trong cộng đồng, các biện pháp phòng ngừa lao; chẩn đoán một số thể lao điển hình thường gặp.	4	Kỳ VII	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
58	Thực tập lâm sàng TN – Lao & Bệnh phổi	Giúp sinh viên Y khoa vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ trong thăm khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh TN – Lao & Bệnh phổi thường gặp, thực hiện được một số kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng cơ bản trong bệnh TN – Lao & Bệnh phổi, từng bước hình thành năng lực cơ bản Bác sỹ đa khoa	2	Kỳ VIII	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% (bệnh án) - Thi kết thúc: 70% Bệnh nhân, vấn đáp
59	PHCN - Y học cổ truyền	Trình bày được quá trình tàn tật và các định nghĩa, các biện pháp phòng ngừa khiếm khuyết, giảm khả năng và tàn tật; các nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản trong phục hồi chức năng: vận động điều trị, giao tiếp, sử dụng các dụng cụ phục hồi chức năng. Trình bày được những điểm cơ bản về lý luận, thuốc đông dược và các phương pháp chữa bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền. Kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền trong chẩn đoán, điều trị một số bệnh thông thường. Xác định các thủ thuật châm cứu, xoa bóp bấm huyệt, thủy châm để điều trị một số bệnh thường gặp trên lâm sàng.	3	Kỳ VII	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
60	Thực tập lâm sàng PHCN – YHCT	Giúp sinh viên Y khoa vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ trong thăm khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh PHCN-YHCT thường gặp, thực hiện được một số kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng cơ bản trong bệnh PHCN-YHCT, từng bước hình thành năng lực cơ bản Bác sỹ đa khoa	2	Kỳ VIII	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% (bệnh án) - Thi kết thúc: 70% Bệnh nhân, vấn đáp
61	Thần kinh – Tâm thần	Trình bày được các kiến thức, kỹ năng khám và phát hiện một số triệu chứng thần kinh thường gặp. Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí một số hội chứng cơ bản trong thần kinh: hội chứng liệt nửa người, hội chứng liệt hai chân, hội chứng đau đầu, tăng áp lực nội sọ, hội chứng thất lưng hông... Trình bày được các khái niệm sức khỏe tâm	3	Kỳ VII	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		thần, các nguy cơ chủ yếu về sức khỏe tâm thần hiện nay. Xác định được các biểu hiện triệu chứng, hội chứng học trong thực hành tâm thần học và phương pháp điều trị, dự phòng các rối loạn tâm thần. Xử trí các trạng thái cấp cứu trong tâm thần. Tổ chức chăm sóc, theo dõi bệnh nhân ở cộng đồng.			
62	Thực tập lâm sàng Thần kinh – Tâm thần	Giúp sinh viên Y khoa vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ trong thăm khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh Thần kinh – Tâm thần thường gặp, thực hiện được một số kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng cơ bản trong bệnh Thần kinh – Tâm thần, từng bước hình thành năng lực cơ bản Bác sỹ đa khoa	2	Kỳ VIII	- Chuyên cần: 5%- Thường xuyên:25% (bệnh án) -Thi kết thúc: 70% Bệnh nhân, vấn đáp
63	Da liễu	Trình bày được các thương tổn cơ bản của các bệnh da liễu thường gặp. Điều trị và phòng chống các bệnh da liễu thường gặp ở tuyến cơ sở. Trình bày được nội dung cơ bản của chương trình phòng chống bệnh phong và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.	1	Kỳ X	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
64	Thực tập lâm sàng Da liễu	Giúp sinh viên Y khoa vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ trong thăm khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh Da liễu thường gặp, thực hiện được một số kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng cơ bản trong bệnh Da liễu, từng bước hình thành năng lực cơ bản Bác sỹ đa khoa	1	Kỳ X	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên:25% (bệnh án) -Thi kết thúc: 70% Bệnh nhân, vấn đáp
65	Ung thư	Trình bày được các kiến thức cơ bản về ung thư. Chẩn đoán sơ bộ một số bệnh ung thư thường gặp ở Việt Nam. Dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp.	1	Kỳ XI	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
66	Thực tập lâm sàng Ung thư	Giúp sinh viên Y khoa vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ trong thăm khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh Ung thư thường gặp, thực hiện được một số kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng cơ bản trong bệnh Ung thư, từng bước hình thành năng lực cơ bản Bác sỹ đa khoa	1	Kỳ XI	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên:25% (bệnh án) -Thi kết thúc: 70% Bệnh nhân, vấn đáp
67	Y học gia đình	Trình bày được nguyên lý y học gia đình và việc triển khai ứng dụng vào công tác chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tư vấn và dự phòng một số bệnh và cấp cứu thường gặp cho cá nhân, gia đình và một nhóm dân cư tại cộng đồng ...	2	Kỳ X	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi kết thúc: 70% thi test, 67tình huống tự luận;
68	Tổ chức y tế - chương trình y tế	Trình bày được hệ thống các chương trình y tế quốc gia, từ tình hình dịch tễ, các chính sách đến các chương trình can thiệp; các khái niệm và các thành phần của hệ thống y	4	Kỳ VIII	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi kết thúc: 70%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
	quốc gia – GDSK	tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khỏe nhân dân; các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/chương trình y học dự phòng. Trình bày được khái niệm, bản chất, vị trí, vai trò của truyền thông – giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; hành vi sức khỏe; các kỹ năng và các phương pháp, phương tiện truyền thông – giáo dục sức khỏe.			thi test, tình huống tự luận;
69	Phương pháp NCKH 1 – Đạo đức nghiên cứu	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về nghiên cứu khoa học: Xác định nghiên cứu và lựa chọn vấn đề nghiên cứu ưu tiên; Xây dựng mục tiêu nghiên cứu và biến số nghiên cứu; Lựa chọn thiết kế nghiên cứu trong y học, xác định cỡ mẫu và cách chọn mẫu, lựa chọn các kỹ thuật thu thập thông tin; Lập kế hoạch xử lý, phân tích số liệu, lập kế hoạch nghiên cứu về thời gian, nhân lực, kinh phí và xây dựng một đề cương NCKH	3	Kỳ VIII	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên:25% (bài tập nhóm) -Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
70	Phương pháp NCKH 2	Ứng dụng được các kiến thức trong học phần PPNCKH 1 để hoàn thiện 1 đề tài nghiên cứu theo đúng quy định và nội dung được học.	2	Kỳ IX	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% (bài tập nhóm) -Thi kết thúc: 70% vấn đáp
71	Kinh tế y tế	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về kinh tế, kinh tế y tế: Các khái niệm cơ bản về kinh tế, kinh tế y tế; mối quan hệ giữa kinh tế và phát triển; các bước của quá trình phân tích chi phí. So sánh các mô hình tài chính y tế; phân tích ưu, nhược điểm của viện phí; phân tích khó khăn khi thực hiện bảo hiểm y tế; phân tích chi phí lợi ích cho một dự án, một chương trình, hoạt động chăm sóc sức khỏe; chi phí hộ gia đình cho sức khỏe; phân tích, lựa chọn can thiệp y tế dựa trên các đánh giá kinh tế y tế.	2	Kỳ XI	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên:25% (bài tập nhóm) -Thi kết thúc: 70% vấn đáp
72	Thực tập cộng đồng 1	Học phần thực tập cộng đồng 1 giúp sinh viên được làm quen với các điều kiện sống, tình hình sức khỏe, bệnh tật của cộng đồng và bước đầu thực hành giáo dục sức khỏe, giáo dục môi trường.	2	Kỳ IX	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên:25% (bài tập nhóm) -Thi kết thúc: 70% vấn đáp
73	Thực tập cộng đồng 2	Thiết kế và thực hiện chẩn đoán, cấp cứu thông thường, theo dõi, điều trị sức khỏe gia đình, cộng đồng và bước đầu lập kế hoạch can	2	Kỳ XI	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên:25% (bài tập nhóm)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		thiếp.			-Thi kết thúc: 70% vấn đáp
74	Thực tập tốt nghiệp	Bước đầu thực hành chức năng, nhiệm vụ của người bác sỹ trong công tác điều trị người bệnh tại bệnh viện. Thiết lập được mối quan hệ tốt với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp. Thái độ nghiêm túc, tự giác trong học tập; tôn trọng nhân viên y tế, người bệnh, và gia đình người bệnh; hợp tác, đoàn kết trong nhóm học tập; đảm bảo an toàn cho người bệnh và nhân viên y tế.	9	Kỳ XII	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% (bệnh án) - Thi kết thúc: 70% Bệnh nhân, vấn đáp; Thi tay nghề tại bệnh viện
75	NCKH trong LS	Ứng dụng được các kiến thức trong học phần PPNCKH 2 để hoàn thành 1 vấn đề hoặc tình huống lâm sàng y khoa trong quá trình sinh viên đi lâm sàng thực tập tốt nghiệp tại cơ sở thực tập tốt nghiệp	3	Kỳ XII	-Thi kết thúc: 100% Vấn đáp; Thi trình bày vấn đề nghiên cứu theo nhóm nghiên cứu.
76	Khóa luận tốt nghiệp	Ứng dụng được các kiến thức trong học phần PPNCKH 2 để hoàn thành 1 đề tài nghiên cứu tìm hiểu sâu về một vấn đề y khoa trong chương trình đào tạo của sinh viên	12	Kỳ XII	Bảo vệ đề cương KLTN Bảo vệ khóa luận TTTN
77	Kiểm soát NK (tự chọn)	Học phần Kiểm soát nhiễm khuẩn cung cấp kiến thức về kiểm soát nhiễm khuẩn, đảm bảo vô khuẩn trong thực hành kỹ thuật, thủ thuật; phẫu thuật.	3	Kỳ IX	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
78	Kỹ năng phần mềm (tự chọn)	Ứng dụng các kiến thức, kỹ năng, thái độ đã học để vận dụng vào giao tiếp, ứng xử với người bệnh, người nhà bệnh nhân, đồng nghiệp, lãnh đạo và mọi người xung quanh.	3	Kỳ IX	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
79	Huyết học (tự chọn)	Nội dung gồm cơ chế gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh; Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí và các thuốc điều trị chính các bệnh lý chuyên khoa huyết học.	3	Kỳ XII	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;
80	Lão khoa (tự chọn)	Nội dung gồm cơ chế gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh; Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí và các thuốc điều trị chính các bệnh lý chuyên khoa Lão khoa .	3	Kỳ XII	- Chuyên cần: 5% - Thường xuyên: 25% - Thi kết thúc: 70% thi test, tình huống tự luận;

6. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

6.1. Các môn học chung

bắt buộc do Bộ Giáo dục & Đào tạo phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

6.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- 01 tín chỉ được tính tương đương 50 giờ bao gồm: tối thiểu bằng 15 giờ lý thuyết; 30-35 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thảo luận, thực tập tại các phòng thí nghiệm và 15-20 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45-50 giờ thực tập tại bệnh viện, làm tiểu luận, bài tập lớn và tính 01-05 giờ kiểm tra đánh giá, thi và trả bài thi kiểm tra kết thúc học phần.

- Được thể hiện cụ thể trong đề án tuyển sinh hàng năm và đề cương chi tiết từng môn học được Hiệu trưởng phê duyệt vào đầu mỗi khóa học.

6.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Theo quy chế đào tạo được Nhà trường quy định.

6.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

6.4.1. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo; không có học phần bị điểm dưới 5;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên;

d) Điểm của các học phần thuộc ngành đào tạo chính được quy định trong chương trình phải đạt từ 6,0 trở lên;

đ) Có chứng chỉ Tiếng anh, Tin học; Giáo dục quốc phòng – an ninh và Giáo dục thể chất theo quy định

6.4.2. Công nhận tốt nghiệp: Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

6.5. Các chú ý khác

6.5.1. Thực tập phòng thí nghiệm và phòng thực hành tiền lâm sàng

- Tổ chức thực tập tại phòng thí nghiệm và tiền lâm sàng phải theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Y tế. Tuy nhiên, mục tiêu đào tạo của bác sỹ đa khoa có yêu cầu thực hành cao, do đó để đảm bảo chất lượng đào tạo, nhà trường có thể quy định điểm kết thúc mỗi môn học/ học phần là điểm độc lập (lý thuyết, thực tập riêng) hoặc là điểm tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập nhưng từng phần đều phải đạt.

- Thực hành tiền lâm sàng: Tại các phòng thực tập/ thí nghiệm của các khoa, trung tâm huấn luyện kỹ năng lâm sàng trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

6.5.2. Thực hành bệnh viện.

Có kế hoạch đưa sinh viên đi thực hành bệnh viện sau khi đã học xong các môn cơ sở ngành. Bố trí đưa sinh viên đi thực hành bệnh viện bắt đầu vào học kỳ IV.

- Thực hành bệnh viện: Tại các khoa của các bệnh viện thực hành của trường y, các cơ sở y tế của địa phương.

6.5.3. Kế hoạch triển khai thực tập tốt nghiệp

- Thực tập tốt nghiệp: Tại các khoa Nội, Ngoại của bệnh viện tuyến Trung ương như Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Bệnh viện Xanh Pôn

- Học phần thực tập tốt nghiệp với khối lượng 9 tín chỉ

Thời gian thực tập tốt nghiệp từ: **18-24 tuần**

Tổ chức thi thực hành tay nghề: **01 tuần**

- Quy định về kết quả đánh giá học phần thực tập tốt nghiệp

Điểm học phần thực tập tốt nghiệp là điểm trung bình chung của 2 phần: Điểm kết thúc phân học tại cơ sở thực tập tốt nghiệp và điểm thi thực hành tay nghề tại trường.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG
HIỆU TRƯỞNG

Tổ chức thi thực hành tay nghề: **01 tuần**

- Quy định về kết quả đánh giá học phần thực tập tốt nghiệp

Điểm học phần thực tập tốt nghiệp là điểm trung bình chung của 2 phần: Điểm kết thúc phần học tại cơ sở thực tập tốt nghiệp và điểm thi thực hành tay nghề tại trường.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG



HIỆU TRƯỞNG

ĐINH THỊ DIỆU HẰNG

TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY Y ĐA KHOA 2022 -2028

Tổng tín chỉ: 224 tín chỉ cả 03 TCGDTC

STT	Tên học phần	Mã học phần	TC	LT	TH	Ghi chú
HỌC KỲ I; 15 TC						
1	Lý sinh	PHYS1011	2	2	0	
2	Hóa học	CHE1011	2	2	0	
3	Sinh học	BIOL1011	2	2	0	
4	HTCN 1	MEDI 1101	2	2	0	
5	THKHCB	PBCP 1011	2	0	2	
6	Anh 1	ENG 1001	4	4	0	
7	GDTC 1	GDTC 1001	1	0	1	
HỌC KỲ II: 22 TC						
1	Vi sinh -KST	MEDI 1106	5	4	1	
2	Di truyền học	MEDI 1104	2	1	1	
3	HTCN 2	MEDI 1102	3	2	1	
4	HTCN 3	MEDI 1103	5	3	2	
5	Tâm lý Y học	MEDI 1001	3	2	1	
6	Hoá sinh	MEDI 1015	4	3	1	
HỌC KỲ 3: 22 TC						
1	Dược cơ sở	MEDI 2107	4	3	1	
2	HTCN 4	MEDI 2101	4	3	1	
3	HTCN 5	MEDI 2102	4	3	1	
4	KNLS 1	MEDI 2105	4	2	2	
5	PLO- Đạo đức	MEDI 2001	2	2	0	
6	Anh 2	ENG 1002	4	4	0	
HỌC KỲ 4: 21 TC						
1	HTCN 6	MEDI 2103	4	2	2	
2	HTCN 7	MEDI 2104	4	2	2	
3	Nội cơ sở	MEDI 2201	4	4	0	
4	Ngoại cơ sở	MEDI 2203	4	4	0	
5	DD-TC	MEDI 2108	3	2	1	
6	KNLS 2	MEDI 2106	3	1	2	
HỌC KỲ 5: 20TC						
1	CĐHA	MEDI 3102	2	1	1	
2	Nội bệnh lý	MEDI 3205	4	4	0	
3	Ngoại bệnh lý	MEDI 3206	3	3	0	
4	LS Nội - Ngoại 1	MEDI 3301	5	0	5	
5	KNLS 3	MEDI 3101	3	2	1	
6	Triết học Mac -Lenin	POL 1005	3	3	0	
HỌC KỲ 6: 22 TC						
1	Tin học	INT 1002	3	2	1	
2	Nhi khoa	MEDI 3132	4	4	0	
3	Phụ sản	MEDI 3131	4	4	0	
5	LS Nội - Ngoại 2	MEDI 3122	5	0	5	
6	DTH	MEDI 3045	2	2	0	
7	Anh 3	ENG 1013	2	2	0	
8	KTCLMT	MEDI	2	2	0	
HỌC KỲ 7: 20 TC						
1	XS-TK	MEDI	3	2	1	
2	LS Sản -Nhi 1	MEDI 4141	6	0	6	
3	TN-Lao	MEDI 4112	4	4	0	
4	Mắt -TMH-RHM	MEDI 4111	3	3	0	

STT	Tên học phần	Mã học phần	TC	LT	TH	Ghi chú
5	GDTC 2	GDTC 2003	2	0	2	
6	CNXHKH	POL 1007	2	2	0	
HỌC KỲ 8: 20TC						
1	NCKH 1	MEDI 4206	3	2	1	
2	Tin học ứng dụng	INT 4101	2	1	1	
3	PHCN-YHCT	MEDI 4203	3	3	0	
4	LS TN-Lao	MEDI 4305	2	0	2	
5	LS Mắt-TMH-RHM	MEDI 4304	3	0	3	
6	TCYT-CTYT QG-TTGDSK	MEDI 4206	4	3	1	
7	Tâm thần -TK	MEDI 4204	3	3	0	
HỌC KỲ 9:16TC						
1	NCKH 2	MEDI 5204	2	0	2	
2	SKMT-SKNN	MEDI 5101	3	2	1	
3	LS PHCN-YHCT	MEDI 5303	2	0	2	
4	Dị ứng-MD lâm sàng((tự chọn)	MEDI 5104	2	2	0	
5	LS Dị ứng, MD LS(tự chọn)	MEDI 5307	1	0	1	
6	TT cộng đồng 1	MEDI 5302	2	0	2	
7	LS Tâm thần -TK	MEDI 5304	2	0	2	
8	Dân số học	MEDI	1	1	0	
9	LS HSTC	MEDI 5305	1	0	1	
10	Kiểm soát nhiễm khuẩn(tự chọn)		3	2	1	
11	Kỹ năng mềm (tự chọn)		3	2	1	
HỌC KỲ 10: 17TC						
1	Dược lâm sàng	MEDI 5102	2	2	0	
2	Hóa sinh LS	MEDI 5103	3	2	1	
3	Sản -Nhi	MEDI 5201	2	2	0	
4	LS Sản -Nhi 2	MEDI 5301	4	0	4	
5	Y học gia đình	MEDI 5203	2	1	1	
6	Da liễu	MEDI 5202	1	1	0	
7	LS Da liễu	MEDI 5309	1	0	1	
8	TT HCM	POL 1008	2	2	0	
HỌC KỲ 11: 16 TC						
1	TT cộng đồng 2	MEDI 6302	2	0	2	
2	Nội -ngoại 2	MEDI 63	4	4	0	
3	LS Nội - ngoại 3	MEDI 6301	4	0	4	
4	Ung thư	MEDI 6202	1	1	0	
5	LS Ung thư	MEDI 6303	1	0	1	
6	Kinh tế y tế	MEDI 6203	2	1	1	
7	Lịch sử ĐCS VN	POL 1009	2	2	0	
HỌC KỲ 12: 12 TC						
1	Thực tập tốt nghiệp	MEDI 6309	9	0	9	
Học phần bổ sung: 3 TC (Chọn 1 trong 3 học phần)						
	Lão khoa (tự chọn)		3	2	1	
	Huyết học (tự chọn)		3	2	1	
	NCKH LS (tự chọn)	MEDI 6205	3	0	3	
2	Khóa luận tốt nghiệp	MEDI 6311	12		12	